UNIT 3. AT HOME (Ở NHÀ)

1. VOCABULARY (TỪ VỰNG):

- counter /ˈkaʊntə(r)/(n) : quầy hàng, cửa hàng
- chore /tʃɔː(r)/(n) : công việc trong nhà
- beneath /bɪˈniːθ/(prep, adv) : dưới, phía dưới
- jar /dʒɑː(r)/(n) : hũ, lọ
- steamer /ˈstiːmə(r)/(n) : nồi hấp, nồi đun hơi
- flour /ˈflaʊə(r)/(n) : bột
- saucepan /ˈsɔːspən/(n) : cái chảo
- vase /vɑːz/(n) : bình hoa
- cooker /ˈkʊkə(r)/(n) : nồi nấu cơm
- description /dɪˈskrɪpʃn/ (n) : sự mô tả
- rug /rʌg/ (n) : thảm, tấm thảm trải sàn
- feed /fiːd/ (v) : cho ăn
- cushion /ˈkʊʃn/(n) : cái nệm
- empty /ˈempti/(v, a) : rỗng, làm cho rỗng
- safety /ˈseɪfti/(n) : sự an toàn
- tidy /ˈtaɪdi/(a) : gọn gàng
- precaution /prɪˈkɔːʃn/(n) : lời cảnh báo
- sweep /swiːp/(v) : quét
- chemical /ˈkemɪkl/(n) : hóa chất
- dust /dʌst/ (v) : phủi bụi, đất
- drug /drʌg/(n) : thuốc
- tank /tæŋk/(n) : bình
- locked /lɒkt/(a) : được khóa
- garbage /ˈgɑːbɪdʒ/(n) : rác
- match /mætʃ/(n) : diêm
- ache /eɪk/(v) : làm đau
- destroy /dɪˈstrɔɪ/(v) : phá hủy
- repairman /rɪˈpeəmæn/(n) : thợ sửa chữa
- injure /ˈɪndʒə(r)/(v) : làm bị thương
- cover /ˈkʌvə(r)/(n) : phủ lên, bao phủ

- electrical socket /ɪˈlektrɪkl - ˈsɒkɪt/(n) : ổ cắm điện
- electricity /ɪˌlekˈtrɪsəti/(n) : điện
- out of children's reach : xa tầm với của trẻ con
- scissors /ˈsɪzəz/(n) : cái kéo
- bead /biːd/(n) : hạt, vật tròn nhỏ
- folder /ˈfəʊldə(r)/(n) : ngăn
- wardrobe /ˈwɔːdrəʊb/ (n) : tủ đựng quần áo
- corner /ˈkɔːnə(r)/ (n) : góc
- oven /ˈʌvn/(n) : lò nướng

2. GRAMMAR (NGỮ PHÁP):

2.1. CÁCH DÙNG & CẤU TRÚC MUST - HAVE TO - OUGHT TO:

- MUST (phải): là khiếm trợ động từ (a modal) được dùng diễn tả sự bắt buộc hay sự cần thiết có tính chủ quan.
- HAVE TO : diễn tả sự bắt buộc hay sự cần thiết có tính khách quan.
- OUGHT TO + V (base form) (nên) : diễn tả lời khuyên.
- OUGHT TO có thể được thay bằng SHOULD.

2.2. ĐẠI TỪ PHẢN THÂN - REFLEXIVE PRONOUNS

I	---	myself
You	---	yourself
He	---	himself
She	---	herself
It	---	itself
We	---	ourselves
You	---	yourselves
They	---	themselves

2.3. C. CÂU HỎI TIẾNG ANH VỚI WHY

Why + do / aux.v + S + Vo...?

Để trả lời cho câu hỏi với "WHY", chúng ta có thể dùng mệnh đề với "because"